

TINH HOA VĂN HÓA DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI TRONG *TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP* CỦA HỒ CHÍ MINH

• Nguyễn Đức Thăng^(*)

Tóm tắt

Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh là tác phẩm văn chính luận quan trọng trong văn học Việt Nam hiện đại, được giảng dạy ở chương trình Trung học phổ thông nhiều năm. Các vấn đề như: quyền con người, quyền dân tộc, phương pháp lập luận, phong cách văn chính luận đã được đề cập khá rõ nét; nhưng về giá trị văn hóa - tư tưởng còn có thể tìm hiểu đào sâu, mở rộng thêm. Về phương diện văn hóa - tư tưởng, bản tuyên ngôn hàm chứa tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại. Tinh hoa văn hóa dân tộc trong Tuyên ngôn Độc lập thể hiện ở tinh thần đấu tranh giành độc lập cho đất nước, tự do cho dân tộc; tinh thần nhân đạo và hợp tác quốc tế đạt đến chính nghĩa, văn minh. Tinh hoa văn hóa nhân loại bao gồm những tư tưởng đúc kết trong Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ (1776), Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp (1789), chủ nghĩa Xã hội khoa học của Marx - Lenin và chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Bài viết tập trung luận bàn, khẳng định những vấn đề này.

Từ khóa: Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh, tinh hoa văn hóa dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại.

1. Đặt vấn đề

Tuyên ngôn Độc lập của tác giả Hồ Chí Minh là bản tuyên ngôn chính thức đầu tiên, khai sinh nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; đồng thời được xem là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ ba của nước ta sau hai bản *Nam quốc sơn hà* (trưng truyền của Lý Thường Kiệt) và *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi. Giá trị của *Tuyên ngôn Độc lập* thể hiện ở chân lý sáng rõ không thể phủ nhận, lập luận chặt chẽ, âm điệu hào hùng; đặc biệt sự khẳng định mạnh mẽ, danh thép chủ quyền đất nước, tự do dân tộc; tinh thần quyết tử của con người Việt Nam nhằm bảo vệ những giá trị cụ thể và thiêng liêng bất khả xâm phạm. Vì thế, cùng với những áng thiên cổ hùng văn thời trung đại, *Tuyên ngôn Độc lập* - tác phẩm văn chính luận xuất sắc của thời đại - có giá trị lịch sử vĩnh hằng cùng tinh thần nhân văn cao cả, hàm chứa tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại.

2. Nội dung

2.1. Văn kiện lịch sử vô giá

Tuyên ngôn độc lập là bản khai sinh một quốc gia; nhằm khẳng định độc lập, chủ quyền thiêng liêng toàn vẹn lãnh thổ. Những bản tuyên ngôn thường trở thành dấu ấn vinh quang, bi hùng của lịch sử một quốc gia, dân tộc. Tính chất văn kiện trong tuyên ngôn thể hiện ở những nội dung tư tưởng quan trọng, xuất phát từ thực tế cuộc sống;

được chứng minh bằng lịch sử và hệ thống lý lẽ chặt chẽ, thuyết phục. *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh là áng văn lập quốc vĩ đại, là văn kiện có giá trị to lớn trong lịch sử Việt Nam hiện đại: là biểu tượng cho việc chấm dứt chế độ thực dân ngoại quốc, phong kiến bản địa; là sự khẳng định quyền tự chủ, vị thế bình đẳng của Việt Nam trên trường quốc tế; là mốc son chói lọi mở ra kỷ nguyên mới độc lập, tự do trên đất nước ta. Đặc biệt, tác phẩm chỉ gồm 49 câu, với 1010 chữ nhưng lại chứa đựng những nội dung to lớn, ý nghĩa sâu sắc; in đậm tinh hoa văn hóa truyền thống đồng thời chứa đựng những giá trị tư tưởng nhân văn tiến bộ; là tác phẩm văn chính luận kiểu mẫu, tính luận chiến mạnh mẽ; trở thành áng hùng văn mới của nhân loại thế kỷ XX.

Sau khi khẳng định cơ sở pháp lý nền tảng của bản tuyên ngôn, phần lớn *Tuyên ngôn Độc lập* trình bày lịch sử hơn 80 năm (1858-1945) thực dân Pháp xâm lược, cai trị Việt Nam: tội ác tày trời, chất chồng của chúng; cuộc chiến chính nghĩa gian khổ, anh dũng của dân tộc ta đánh bại các thế lực thực dân, phát xít xâm lược và phong kiến. Cuối cùng là lời tuyên bố độc lập và khẳng định ý chí quyết tâm sắt đá của toàn dân tộc bảo vệ nền độc lập vô giá vừa giành được.

Từ những thập niên đầu ở nước ngoài, với bút danh Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh đã viết nhiều bài luận chiến bằng tiếng Pháp như: *Tâm địa thực dân, Vực thăm thuộc địa, Công cuộc khai*

^(*) Trường Đại học An Giang.

hóa giết người... đăng trên các báo “Người cùng khổ”, “Nhân đạo”, “Đời sống thợ thuyền”... nhằm tấn công vào chủ nghĩa đế quốc, cụ thể là thực dân Pháp; tố cáo bản chất ăn cướp, giết người; vạch trần công cuộc “khai hóa văn minh” của chúng: “Từ đó (thời điểm Pháp xâm lược Việt Nam - chủ thích của người viết), chúng tôi không những bị áp bức bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm hiểm... Nhà tù nhiều hơn trường học, lúc nào cũng mở cửa và chật ních người” [3, tập 1, tr. 22]. Trong giai đoạn này, tác phẩm tiêu biểu nhất là *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), “Tác phẩm này cũng như tờ báo “Người cùng khổ” (Le Paria) nhằm mục đích tuyên truyền “giải phóng những dân tộc thuộc địa”, tố cáo trước dư luận phương Tây và cả ở các nước thuộc địa những tội ác của tất cả các bọn thực dân và kết tội toàn bộ chế độ thực dân” [5, tr. 293]. Người kết tội chúng lừa dối, tàn độc với người dân bản xứ: “Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen hèn hạ, những tên “Annamit” hèn hạ, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta [6, tr. 23]... Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là “chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do”. Nhưng họ đã phải trả bằng một cái giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy, vì để bảo vệ cho cái công lý và tự do mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên cái bãi chiến trường châu Âu⁽¹⁾. Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn “bô-sơ”⁽²⁾, nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp; đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khạc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì đã hít phải hơi ngạt vậy” [6, tr. 23-24]. Như vậy, *Tuyên ngôn Độc lập* chính là sự kế thừa, tổng kết các tác phẩm giàu tính chiến đấu những năm đầu thế kỷ XX của tác giả; đồng thời đó cũng chính là những trang sử đau thương, uất hận không thể nào quên của dân tộc ta.

Trong tuyên ngôn, Hồ Chí Minh vạch trần bộ mặt tàn bạo, xảo trá của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam bằng những lập luận sắc bén và dẫn chứng cụ thể, xác thực. Tác giả bác bỏ công “khai hóa” giả hiệu của chúng: “lợi dụng lá cờ tự

do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta” [1, tr. 39]. Về chính trị: Pháp không cho dân ta tự do; thi hành luật pháp dã man; ngăn cản việc thống nhất, đoàn kết; lập nhiều nhà tù; chém giết, khủng bố, thi hành chính sách ngu dân. Về kinh tế: chúng bóc lột đến xương tủy khiến dân ta nghèo nàn, nước ta tiêu điều; cướp ruộng đất, hầm mỏ, đặt hàng trăm thứ thuế vô lý... Người đã dùng cách viết mỉa mai sâu cay, đầy thâm thúy ghi lại lịch sử “khai hóa” “nhân đạo” “kiêu hãnh” của “nước mẹ đại Pháp” từng kể công bao lần với các xứ thuộc địa, trong đó có Việt Nam. Không chỉ vạch trần bản chất “khai hóa” giả hiệu, tác giả cũng phản bác công “bảo hộ” Việt Nam khi lên án bản chất ích kỷ, đê hèn, tàn bạo, bịp bợm của chúng: bán nước ta hai lần cho Nhật, nhất là tội diệt chủng (gây ra nạn đói năm 1945 làm chết hơn hai triệu dân Việt). Thực dân Pháp còn phản bội Đồng minh, không liên minh với Việt Minh chống phát xít Nhật; trái lại, chúng thẳng tay khủng bố Việt Minh một cách tàn nhẫn. Như vậy, thực dân Pháp không chỉ gây thêm tội ác với nhân dân Việt Nam mà còn chống lại nhân dân tiến bộ thế giới trong cuộc chiến chính nghĩa chống phát xít. Bằng tất cả tấm lòng ưu dân ái quốc, Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã xúc động phần uất viết nên bản cáo trạng đanh thép về những tội ác “trời không dung, đất không tha” mà thực dân Pháp đã gây ra trong hơn 80 năm đô hộ Việt Nam. Đó là những trang sử bi thương khắc sâu trong tim óc muôn đời con dân Việt. Bằng sức mạnh đoàn kết toàn dân cùng sự hy sinh xương máu của hàng triệu sinh linh Việt vô tội trong cuộc kháng chiến trường kỳ, chúng ta đã có ngày chiến thắng. Nhưng độc lập của đất nước, tự do của dân tộc vẫn bị đe dọa vì thực dân Pháp thâm độc, xảo trá. Chính vì vậy, song song với việc khẳng định thắng lợi của cách mạng tháng Tám, *Tuyên ngôn Độc lập* phủ nhận hoàn toàn vai trò, công lao của Pháp ở Việt Nam nhằm ngăn chặn chúng trở lại nước ta sau này: “Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không “bảo hộ” được ta, trái lại, trong 5 năm chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật... Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa... Sự thật là ta đã lấy lại nước từ tay Nhật chứ không phải từ

tay Pháp” [1, tr. 40].

Tác phẩm còn khẳng định cuộc đấu tranh chính nghĩa trường kỳ, gian khổ của dân tộc ta nhằm xác lập vị thế độc lập xứng đáng mà chúng ta vừa giành được trước thế giới - chính dân tộc Việt Nam làm chủ vận mệnh của mình: “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập” [1, tr. 40]; cùng phe Đồng minh chống phát xít “biết bao lần Việt Minh... chống Nhật; khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” [1, tr. 40]; tiêu diệt chế độ phong kiến là xu thế tiến bộ hợp thời đại “Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa” [1, tr. 40]. Cuối cùng tác giả đã đúc kết lịch sử Việt Nam giai đoạn 1858-1945 đầy phần khởi, tự hào bằng một câu văn khẳng định ngắn gọn: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị” [1, tr. 40]. Câu văn hàm súc, nghe nhẹ nhàng, đơn giản nhưng có sức nặng to lớn - là sự đúc kết vinh quang vô giá phải đánh đổi bằng muôn vàn cay đắng, hy sinh của dân tộc Việt Nam trong cuộc chiến trường kỳ, không cân sức với một cường quốc Tây phương.

Tính chất đặc biệt quan trọng của văn kiện lịch sử này còn thể hiện ở lời tuyên ngôn độc lập, không chỉ được đọc trước quốc dân Việt Nam mà còn là một công bố quan trọng trước toàn thế giới, nâng cao giá trị tác phẩm lên tầm quốc tế: “Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc, bình đẳng ở các Hội nghị Tê-hê-răng⁽³⁾ và Cựu Kim Sơn⁽⁴⁾, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam. Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!” [1, tr. 41]. Vấn đề này đặc biệt quan trọng vì ở thời điểm cách mạng tháng Tám thành công, trên thế giới đang diễn ra sự phân chia quyền lực giữa các nước trong phe Đồng minh và Việt Nam bị đặt trong vòng xoáy quyền lực xâu xé đó. Mặt khác, thái độ và hành động của Anh, Mỹ gây bất lợi và thiệt hại cho Việt Nam. Anh thỏa hiệp để Pháp (sau chân Pháp là Mỹ) sẽ trở lại Việt Nam. Đồng quan điểm đó, tổng thống Mỹ Harry S. Truman cũng tuyên bố: “Dù thế nào, về vấn đề

Đông Dương, chúng tôi không phân đôi uy quyền và quân đội Pháp trở lại xứ sở này”⁽⁵⁾. Lời tuyên bố độc lập trước quốc tế buộc nhân loại tiến bộ phải đứng về phía Việt Nam, ngăn chặn những mưu đồ thâm độc quyền thống trị thuộc địa từ các cường quốc phản động đương thời. *Tuyên ngôn Độc lập* đã khẳng định quyền dân tộc độc lập - tiền đề cho sự ra đời của chính phủ, quốc gia Việt Nam - đây chính là cơ sở pháp lý cho sự hình thành nhà nước Việt Nam mới, đặt nền tảng thiết lập chính thể Dân chủ Cộng hòa và đặt nền móng cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam sau này.

2.2. Kết tinh văn hóa dân tộc

Tuyên ngôn Độc lập mặc dù ngắn gọn, súc tích nhưng kết tụ nhiều tinh hoa văn hóa dân tộc. Đó là chủ nghĩa yêu nước, truyền thống quật khởi đấu tranh; lòng nhân đạo và tinh thần hợp tác quốc tế.

Trong tác phẩm, tác giả khẳng định: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay” [1, tr. 41]. Câu văn khẳng định cuộc kháng chiến chống Pháp anh dũng, trường kỳ, đồng thời khơi gợi truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Đó là chiến công oanh liệt của Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (năm 938); Lý Thường Kiệt với trận đánh Như Nguyệt phá Tống về vang (năm 1077); nhà Trần và danh tướng Trần Hưng Đạo ba lần đại thắng quân Nguyên - Mông (năm 1258, 1285, 1288)... Vào nửa cuối thế kỷ XIX, gót giày xâm lược của thực dân Pháp đã vấp phải sự phản kháng mạnh mẽ của toàn thể nhân dân Việt Nam. Vua Duy Tân (1900-1945) - vị vua thứ 11 của nhà Nguyễn, là người yêu nước và giàu tinh thần dân tộc - có lần, nhìn bàn tay dơ của mình đã hỏi viên quan thị vệ bưng nước rửa tay rằng: “Tay nhớp thì lấy nước rửa, thế nước nhớp thì lấy chi rửa”? Viên quan bối rối không biết trả lời; vua đăm chiêu, tư lự, ẩn chứa dũng khí, nhiệt huyết cứu nước: “Nước nhớp thì lấy máu mà rửa, nhà ngươi hiểu chưa”⁽⁶⁾. Anh hùng Nguyễn Trung Trực - người đốt tàu chiến L'Espérance (Hy vọng) của Pháp trên dòng Nhứt Tảo (năm 1861) - lúc bị giặc bắt đã khẳng khái nói thẳng vào mặt kẻ thù: “Bao giờ Tây nhô hết cò nước Nam thì mới hết người nước Nam đánh Tây”⁽⁷⁾. Sau này tinh thần chống Pháp xâm lược của nhân dân ta đã kết thành sóng trào bão cuốn qua ba cuộc vận động: phong trào

cách mạng giai đoạn 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh, phong trào vận động dân chủ những năm 1936-1939 và cao trào giải phóng dân tộc giai đoạn 1939-1945.

Chiến đấu hào hùng song dân tộc ta rất mực nhân đạo, nhân văn. Đó là một truyền thống quý báu của dân tộc. Lịch sử Việt Nam từ cổ chí kim đã bao lần chứng minh, đúc kết truyền thống nhân bản, nhân ái của dân tộc ta. Đánh tan giặc Minh (năm 1427), đẩy binh tướng vào vòng nguy tử “quân giặc các thành khốn đốn cởi giáp ra hàng, tướng giặc bị cầm tù như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng”; Lê Lợi, Nguyễn Trãi vẫn mở lượng khoan dung “thần vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh”, hơn thế còn “cấp cho năm trăm chiếc thuyền”, “phát cho vài nghìn cỗ ngựa”; đúng là “muru kẻ kỳ diệu... cũng là chưa thấy xưa nay” (Đại cáo bình Ngô, Nguyễn Trãi). Trong chiến thắng thần tốc Ngọc Hồi - Đống Đa (năm 1789) của quân ta, quân Thanh thất bại thảm hại, cách đối xử của vua Quang Trung (1753-1792) với chúng vẫn tỏa sáng tâm lòng nhân đạo hải hà: “Trẫm một phen vẫy cờ lệnh, quét sạch lũ các ngươi như quét đàn kiến. Lũ ngươi một thua tan vỡ, chết hại kẻ hàng vạn tên. Những kẻ hiện bị bắt tại trận tiền và thể bách phải đầu hàng, lẽ ra chiếu theo quân luật, đem chém sạch đi để răn đe những kẻ bạo ngược. Chỉ vì thể đức hiếu sinh của Thượng đế, nên ta bao dung, che chở, tha chết cho các ngươi” (Tờ chiếu phát hàng binh, Ngô Thì Nhậm)⁽⁸⁾. Trong thời hiện đại, Pháp có sức mạnh của vũ khí, xảo quyệt, gian trá, tàn bạo nhưng chúng không thể ngăn cản, hủy diệt được tinh thần yêu nước anh dũng, sức mạnh vũ bão của cách mạng, đặc biệt truyền thống nhân đạo, cụ thể là cách đối xử nhân ái, văn minh của ta khi kẻ thù bại trận, như chính Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trong bản tuyên ngôn: “Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ” [1, tr. 40].

Bản tuyên ngôn cũng cho thấy vận động lịch sử với những chuyển biến nhanh chóng, phức tạp toàn cầu trong thế chiến thứ hai. Việc Việt Nam đứng về phe Đồng minh chống phát xít thể hiện

tinh thần hợp tác quốc tế đúng đắn, vì hạnh phúc của nhân loại tiến bộ. Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, lời nhận định “một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay” [1, tr. 41] thể hiện rõ tinh thần hợp tác quốc tế can đảm, dứt khoát của dân tộc ta. Đoạn văn tiếp theo, bản tuyên ngôn nêu rõ: “Chúng tôi tin rằng các nước đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng của các hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn...” [1, tr. 41]. Tác giả đã khôn khéo nhắc đến sự hợp tác tích cực của Việt Nam trong những sự kiện, hoạt động quan trọng của thế giới. Như chúng ta đã biết sự phát động cùng sức mạnh, chủ trương của phát xít Đức dẫn đến hình thành phe Trục⁽⁹⁾ gồm ba nước: Đức, Ý (ở châu Âu), Nhật (ở châu Á). Tại thời điểm đỉnh cao của chủ nghĩa phát xít trong thế chiến thứ hai, phe Trục đã làm chủ phần lớn châu Âu, Bắc Phi và Đông Á. Song song với đòi hỏi hung hăng về lãnh thổ, phát xít Đức gây ra nhiều tội ác, nhất là tội diệt chủng. Ta hiểu vì sao thuật ngữ *Holocaust*⁽¹⁰⁾ luôn gọi lại sự kinh hoàng cho nhân loại đương thời cho đến tận ngày nay. Mặt khác, tại hội nghị Tê-hê-răng (1943); các nước Nga, Anh, Mỹ còn công nhận độc lập chủ quyền hoàn toàn và toàn bộ lãnh thổ của Iran⁽¹¹⁾. Đề cập sự kiện này, Hồ Chí Minh khẳng định Việt Nam luôn ủng hộ, tôn trọng độc lập chủ quyền của các quốc gia, dân tộc vì đó là quyền lợi vô giá, cội nguồn của hạnh phúc: “Những người đã giành được độc lập cho chúng ta tin rằng tự do là bí mật của hạnh phúc và lòng can đảm là bí mật của tự do”⁽¹²⁾. Ngày nay Việt Nam đã gia nhập ASEAN, WTO⁽¹³⁾ - tiếp tục khẳng định ý thức, khả năng hợp tác hiệu quả của Việt Nam trong cộng đồng khu vực và quốc tế.

2.3. Chung đức văn minh nhân loại

Trên nền tảng ý thức tự chủ, độc lập; bản tuyên ngôn không mở đầu bằng truyền thống đấu tranh của dân tộc mà trích dẫn thành quả tranh đấu, giá trị cốt lõi trong hai bản tuyên ngôn của nước Mỹ và cách mạng Pháp - đó là cách viết mới mẻ, khôn khéo của tác giả. Về mặt luận chiến, Hồ Chí Minh đối thoại với kẻ thù bằng chính tư duy, lý tưởng, thành quả của tổ tiên chúng; buộc Pháp và Mỹ thừa nhận độc lập, chủ quyền của dân tộc ta trong bối cảnh thế giới phức tạp. Qua đó, áng văn chính luận *Tuyên ngôn Độc lập* đã gián tiếp khẳng định công lý là lương tâm, lương tri không chỉ của cá nhân,

dân tộc Việt Nam mà còn của toàn nhân loại tiến bộ.

Mở đầu *Tuyên ngôn Độc lập*, tác giả viết:

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

Lời bắt hủ ấy ở trong bản “Tuyên ngôn Độc lập” năm 1776 của nước Mỹ.

...

Bản “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền” của Cách mạng Pháp năm 1789⁽¹⁴⁾ cũng nói:

Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi” [1, tr. 39].

Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ do Thomas Jefferson (1743-1826) biên soạn, là văn bản chính trị tuyên bố 13 thuộc địa Bắc Mỹ chính thức ly khai khỏi Anh Quốc, hình thành quốc gia độc lập; “tiêu biểu cho nguyện vọng của nhân dân các nước thuộc địa Bắc Mỹ đấu tranh giành độc lập tự do” [3, tập 2, tr. 519]. Tư tưởng trong bản tuyên ngôn của T. Jefferson chịu ảnh hưởng sâu sắc triết học của John Locke (1632-1704) - triết gia theo trường phái kinh nghiệm Anh (nghiên cứu về các quyền tự nhiên và khế ước xã hội), đồng thời là nhà tư tưởng của phong trào Khai sáng. Tư tưởng của J. Locke ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc cách mạng Mỹ chống sự thống trị của nước Anh. Theo lý thuyết của J. Locke, ba quyền cơ bản không thể bị tước đoạt của con người là *quyền được sống, quyền tự do và quyền sở hữu*. Quyền sở hữu được T. Jefferson đề cập đến trong bản tuyên ngôn là *quyền mưu cầu hạnh phúc*. Tác giả Hồ Chí Minh trích dẫn một câu trong phần đầu của bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ nhằm thu hút công luận; đồng thời tạo cơ sở lập luận tư tưởng, pháp lý và nâng cao tiền đề: từ quyền con người đề *suy rộng ra* quyền của quốc gia, dân tộc - đều là những quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Đánh giá cao lý tưởng của bản tuyên ngôn này, tác giả Hồ Chí Minh đi đến khái quát mới là một bước phát triển nâng những lý tưởng giàu tính nhân văn của thế kỷ XVIII lên tầm cao của thời đại mới. Trong toàn bộ hệ thống luận điểm phát triển trong tác phẩm *Tuyên ngôn Độc lập*, tác giả đều tập trung nhấn mạnh luận đề chính yếu này.

Không chỉ đề cao tư tưởng trong *Tuyên ngôn*

Độc lập của Mỹ, Hồ Chí Minh còn ca ngợi tôn chỉ trong *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp. Trước đó, Người đã từng khẳng định những bài học quý giá từ cách mạng Pháp: “Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì: dân chúng công nông là gốc cách mệnh; cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công; đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều; dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại; cách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ, ta muốn làm cách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh” [3, tập 2, tr. 274]. Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, tác giả cũng đồng thời trích dẫn câu đầu tiên trong tổng số hai câu của điều khoản thứ nhất trong *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp (1789)⁽¹⁵⁾. Văn bản này được xem là một trong những văn kiện pháp lý về quyền con người, có tầm ảnh hưởng rất lớn trong lịch sử pháp lý thế giới cận đại; đồng thời là nguồn cảm hứng cho các dân tộc bị áp bức đấu tranh giành độc lập. Nó nhanh chóng trở thành tôn chỉ của cuộc cách mạng Pháp và theo một số sử gia nó cũng là di sản lớn nhất mà cuộc cách mạng này để lại. Bản tuyên ngôn của cách mạng Pháp là sự kết tinh những lý tưởng tiến bộ nhất của thời đại Khai sáng; tác phẩm còn tuyệt vời bởi tầm vóc và bởi sự giản đơn gói gọn các quyền cơ bản về tự nhiên và dân sự, được tán thành bởi những học giả lỗi lạc như J. Locke, Jean - Jacques Rousseau, T. Jefferson khiến nó trở thành nền tảng pháp luật của nước Pháp thế kỷ XVIII cho đến tận ngày nay.

Cuộc cách mạng và *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ, cuộc cách mạng cùng *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp là những bước ngoặt trong lịch sử và tư tưởng thế giới; khẳng định những lý tưởng tốt đẹp của nhân loại. Tiếp thu chọn lọc một phần tư tưởng cơ bản của hai bản tuyên ngôn này, Hồ Chí Minh đã tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của văn hóa, văn minh nhân loại từ thế kỷ XVI - XVIII, góp phần làm phong phú tư tưởng về các quyền cơ bản, thiêng liêng của quốc gia, dân tộc, con người; nhờ vậy bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước ta đạt được những giá trị to lớn nhiều mặt, được cộng đồng quốc tế thừa nhận.

Tất nhiên, đề cập đến tinh hoa tư tưởng nhân loại kết tụ trong *Tuyên ngôn Độc lập*, không thể

không nói đến tác động to lớn của chủ nghĩa Marx - Lenin. *Từ điển chủ nghĩa Cộng sản khoa học* định nghĩa: “Chủ nghĩa Marx - Lenin là một hệ thống có căn cứ khoa học của các quan điểm triết học, kinh tế, chính trị - xã hội; học thuyết về nhận thức và cải tạo thế giới, về những quy luật phát triển của xã hội, tự nhiên và tư duy con người; về những con đường cách mạng lật đổ chế độ bóc lột và xây dựng chủ nghĩa Cộng sản; thế giới quan của giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là các đảng Cộng sản, tổ chức công nhân”⁽¹⁶⁾. Như vậy, chủ nghĩa Marx - Lenin là khoa học lý luận đa lĩnh vực: các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội, về cách mạng của quần chúng bị áp bức, về thắng lợi của CNXH trong tất cả các nước, về việc kiến thiết xã hội Cộng sản chủ nghĩa. Chủ nghĩa Marx - Lenin nêu lên mục tiêu chung là giải phóng giai cấp, con người, xã hội; đồng thời nhấn mạnh cách mạng là sự nghiệp của quần chúng và nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử. Hệ thống học thuyết Marx - Lenin là kết quả của sự tổng kết lịch sử phát triển của xã hội loài người từ thời công xã nguyên thủy đến hiện đại, là sự kế thừa tinh hoa trí tuệ nhân loại giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Về vai trò của chủ nghĩa Marx đối với cách mạng Việt Nam, các tác giả xây dựng bản thảo *Hồ Chí Minh toàn tập* nhận định: “Ở Việt Nam, “Tuyên ngôn của đảng Cộng sản”⁽¹⁷⁾ đã sớm được truyền bá rộng rãi. Nó đã thực sự trở thành ngọn đuốc soi đường cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội” [3, tập 2, tr. 518]. Bản *Tuyên ngôn của đảng Cộng sản* hàm chứa học thuyết của Lênin về đấu tranh lật đổ chế độ bóc lột bằng sức mạnh đoàn kết dân tộc. Đó là sự bền bỉ, lòng quả cảm đấu tranh của toàn dân tộc. Dân tộc đã thức nhận tự do, căm thù tội ác, chiến đấu dưới sự lãnh đạo của đảng. Thực tế đó là sự vận dụng phù hợp đường lối đấu tranh của Lênin vào cách mạng Việt Nam. Tháng 7/1920, đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất “*Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của V. I. Lenin (1870-1924), Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp. Trong lần trả lời phỏng vấn của báo L'Unità ngày 15/3/1924, Nguyễn Ái Quốc nói: “*Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của Lênin đã đặt nền tảng cho việc giải quyết

đúng đắn những vấn đề phức tạp của công cuộc giải phóng dân tộc [3, tập 1, tr.493]... chúng tôi tiếp tục đi theo con đường cách mạng tháng Mười đã vạch ra, chúng tôi sẽ vận dụng vào thực tiễn những bài học đã học được” [3, tập 1, tr. 484]. Sau này, Hồ Chí Minh lại khẳng định một lần nữa: “Cách mạng Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mạng thành công thì phải lấy dân chúng (công nông) làm gốc, phải có Đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư (tức K. Marx, theo phiên âm Hán Việt - chú thích của người viết) và Lênin” [3, tập 2, tr. 280]. Như vậy, Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định chủ nghĩa Marx - Lenin chính là tôn chỉ, ánh sáng chỉ đường cho cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam. Từ năm 1858 đến trước năm 1930, ở nước ta đã có hàng trăm phong trào, cuộc khởi nghĩa oanh liệt chống Pháp (dưới sự lãnh đạo của những người yêu nước thuộc đủ mọi tầng lớp, thành phần; theo nhiều khuynh hướng khác nhau) nhưng cuối cùng đều thất bại. Nguyên nhân là do họ chưa có đường lối cứu nước đúng đắn. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Việt Nam và Lãnh tụ Hồ Chí Minh là minh chứng thuyết phục nhất chứng tỏ hệ thống học thuyết Marx - Lenin đã thực sự đóng vai trò lý luận dẫn đường cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong tác phẩm *Tuyên ngôn Độc lập*, tác giả đã tổng kết cuộc xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp trong hơn 80 năm, việc chiếm đóng của phát xít Nhật, quá trình nhân dân ta giành độc lập từ tay phát xít Nhật và lật đổ chế độ phong kiến (“những con đường cách mạng lật đổ chế độ bóc lột” là tôn chỉ của chủ nghĩa Marx - Lenin, theo chú thích 15). Trong thắng lợi vĩ đại đó có vai trò quan trọng, quyết định của đảng Cộng sản Việt Nam, Lãnh tụ Hồ Chí Minh và mặt trận Việt Minh⁽¹⁸⁾ dưới ánh sáng soi đường là chủ nghĩa Marx - Lenin. Tác giả dành tình cảm trân trọng khi viết về tổ chức Việt Minh: “Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp chống Nhật... Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp...”. Ngay cả khi chủ ngữ của các câu văn trong tác phẩm được thay đổi là *đồng bào ta, nhân dân cả nước ta, dân ta...* [1. tr. 40] thì người tiếp nhận tác phẩm cũng cần hiểu cách mạng tháng Tám do mặt trận Việt Minh tiến hành. Như vậy,

Hồ Chí Minh - hậu bối của những nhà cách mạng nổi tiếng K. Marx, F. Engels, V. I. Lenin; người học sinh ưu tú của chủ nghĩa Marx - Lenin - đã vận dụng sáng tạo thành công hệ thống học thuyết này trong điều kiện cụ thể Việt Nam, làm nên thắng lợi của cách mạng tháng Tám, khai sinh nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đầu tiên ở Đông Nam Á.

Không chỉ tiếp thu tinh hoa tư tưởng phương Tây; Hồ Chí Minh còn tiếp nhận tích cực các học thuyết tôn giáo, chính trị của những nhà tư tưởng, cách mạng phương Đông như: Khổng Tử, Mạnh Tử, Tôn Dật Tiên (tức Tôn Trung Sơn)⁽¹⁹⁾. Chủ nghĩa Tam dân (dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc) của Tôn Trung Sơn (1866-1925) là một cương lĩnh chính trị chủ trương phản đối chủ nghĩa đế quốc, quân phiệt câu kết với xâm lược; học thuyết này nhằm xây dựng, khai sáng cho người dân Trung Hoa, biến Trung Hoa thành một quốc gia độc lập, phồn vinh⁽²⁰⁾. “Người tiếp thu một cách có chọn lọc, sáng tạo những mặt tiến bộ của chủ nghĩa Tam dân và áp dụng thành công chúng vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, coi trọng vấn đề độc lập dân tộc nhưng tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể mà nhấn mạnh và đặt nó lên vị trí hàng đầu. Độc lập dân tộc gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đó là điểm sáng tạo vĩ đại của Hồ Chí Minh” [7, tr. 68]. Chủ nghĩa Tam dân được thể hiện khá tập trung, xuyên suốt trong *Tuyên ngôn Độc lập*. Trong tác phẩm, các cụm từ như: *đồng bào cả nước, đồng bào ta, nhân dân ta, dân ta, toàn dân Việt Nam, một dân tộc, dân tộc ta, nước ta, nước nhà của ta, nhân dân cả nước ta, nòi giống ta...* được dùng trang trọng, lặp lại nhiều lần. Điều này cho thấy tác giả Hồ Chí Minh có chủ ý nhấn mạnh đối tượng dân tộc, nhân dân Việt Nam - chủ nhân của đất nước Việt Nam phải được thụ hưởng các quyền con người: được sống, tự do, bình đẳng, mưu cầu hạnh phúc; chủ thể tranh đấu giành độc lập cho đất nước, tự do cho dân tộc; chủ thể tuyên bố độc lập tự chủ; chủ thể quyết tâm cao độ bảo vệ nền độc lập vừa giành được. Đặt trong bối cảnh lịch sử cận - hiện đại; tư tưởng trong chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn đã được nghiên cứu, truyền bá sâu rộng ở Trung Hoa. Như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh...; Hồ Chí Minh khẳng định có chịu ảnh hưởng của tư tưởng này (xem chú thích 19). Điều đáng nói hơn nữa, khi tiếp nhận chủ nghĩa Tam dân;

Hồ Chí Minh đã vận dụng vào thực tế Việt Nam một cách sáng tạo, đặt thành những trụ cột vững chắc làm nền tảng trong thắng lợi của cách mạng tháng Tám và trong toàn cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta; đúng như lời nhận xét của Lê Thị Tình - nhà nghiên cứu lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam: “Chính những chủ trương, đường lối cách mạng dân chủ trong chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn đã có tác dụng thúc đẩy và mang lại cho phong trào cách mạng Việt Nam một màu sắc mới, làm phong phú thêm trang sử đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX” [7, tr. 70].

3. Kết luận

Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh kết tinh truyền thống lịch sử kiên cường bất khuất của dân tộc ta; là bản anh hùng ca mở ra kỷ nguyên mới cho đất nước Việt Nam - độc lập, tự do, hạnh phúc. Tác phẩm hấp dẫn, thuyết phục bởi những giá trị cao sâu, đa diện: vừa mang tính thời sự vừa mang tính vĩnh cửu, là tác phẩm văn học - lịch sử và là văn kiện chính trị - tư tưởng. Bản tuyên ngôn hội tụ tinh hoa văn hóa dân tộc và văn minh nhân loại. Tác phẩm tỏa sáng lòng yêu nước, tự tôn dân tộc ở thời khắc Việt Nam vững vàng vị thế một quốc gia vừa giành được độc lập, tự chủ sau đêm trường nô lệ tăm tối bi thương. *Tuyên ngôn Độc lập* là áng văn chính luận mẫu mực; tính chất luận thuyết cô kết, xâu chuỗi của hệ ý thức tư tưởng Việt Nam trong giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại, hòa kết cùng tinh hoa văn minh nhân loại đã nâng cao giá trị tuyệt đối và tính vĩnh hằng của bản tuyên ngôn. *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ là tác phẩm văn học vô giá của tác giả Hồ Chí Minh và văn học Việt Nam mà còn đạt được vị trí xứng đáng trong nền học thuật hiện đại của lịch sử, chính trị thế giới./.

Chú thích:

⁽¹⁾ “... người ta đã biến 10 vạn người An Nam thành những người “tình nguyện” bênh vực cho chính nghĩa, cho công lý... Trong số đó, 51.000 làm việc chế thuốc súng, đào hầm, vận chuyển, cứu thương và làm nhiều việc khác nữa; 49.000 ra mặt trận ở Pháp, ở Xalônich và Xibêri; 20.000 đã chết” [3, tập 1, tr. 345].

⁽²⁾ Boches: tiếng tục, có ý khinh bỉ; lúc đó người Pháp thường dùng để chỉ những gì thuộc về quân Đức, người Đức, đồ dùng của Đức...

(3) Hội nghị Tê-hê-răng: hội nghị của đại diện ba nước: Liên Xô, Mỹ, Anh họp từ 28/11 đến 01/12/1943 tại Tê-hê-răng (thủ đô nước Iran) thông qua kế hoạch tiêu diệt phát xít, quyết mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 01/5/1944 và thông qua nghị quyết đảm bảo nền hòa bình lâu dài trên toàn thế giới sau chiến tranh... Nhưng sau đó, giới cầm quyền Anh, Mỹ không thi hành triệt để những điều khoản đã ký kết trong hội nghị này.

(4) Hội nghị Cựu Kim Sơn: hội nghị của đại diện 50 nước họp tại Cựu Kim Sơn (Xan Phran-xi-cô, Mỹ), từ ngày 25/4/1945 đến ngày 26/6/1945 để thành lập một tổ chức quốc tế gọi là Liên hợp quốc.

(5) Tuyên bố của Tổng thống Harry S. Truman (Mỹ) khi tiếp tướng De Gaulle (Pháp) tại Nhà Trắng (24/8/1945).

(6) Thi Long (2001), *Nhà Nguyễn chín chúa mười ba vua*, tr. 198, NXB Đà Nẵng, TP HCM.

(7) Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX)*, tr. 608, NXB Giáo dục, Hà Nội.

(8) Trung tâm nghiên cứu Quốc học (2004), *Ngô Thi Nhậm - tác phẩm* (Tập 1), NXB Văn học, TP HCM.

(9) Giữa thập niên 30 của thế kỷ XX, phe Trục nổi lên từ những nỗ lực ngoại giao của Đức, Ý, Nhật nhằm đảm bảo những quyền lợi cụ thể của họ trong việc bành trướng lãnh thổ. Khởi đầu là hiệp ước giữa Đức - Ý được ký vào tháng 10/1936. Đến 1/11/1936, Mussolini tuyên bố kể từ thời điểm đó tất cả các nước châu Âu khác sẽ quay quanh trục Rome-Berlin, đây là nguồn gốc của tên gọi “phe Trục”.

(10) *Holocaust* (từ tiếng Hy Lạp: ολόκαυστος holókaustos: hólos nghĩa là “toàn bộ” và kaustós nghĩa là “thiêu đốt”). Thuật ngữ này còn được biết đến với tên gọi *Shoah* (tiếng Hebrew: שואה, HaShoah nghĩa là “thảm họa lớn”), là một cuộc diệt chủng do Đức Quốc xã cùng bè phái tiến hành.

(11) Tháng 9/1941, quân đội Anh và Liên Xô đã chiếm đóng lãnh thổ Iran. Sự kiện Anh và Liên Xô tấn công Iran là một cuộc tấn công của phe Đồng minh (bao gồm Hồng quân Liên Xô, quân đội vương quốc Anh cùng các lực lượng thuộc khối thịnh vượng chung Anh) vào Iran dưới triều đại Pahlavi trong chiến tranh thế giới lần thứ hai. Chiến sự diễn ra từ ngày 25/8/1941 đến ngày 17/9/1941 với mật danh là chiến dịch “Countenance”.

(12) Câu nói của GS. Louis D. Brandeis (người Mỹ).

(13) Ngày 28/7/1995, tại thủ đô Bandar Seri Begawan (nước Brunei Darussalam); trong tiếng Quốc ca; Quốc kỳ Việt Nam tung bay cùng Quốc kỳ của 6 thành viên

ASEAN khác, mở ra một trang sử mới của khu vực: Việt Nam chính thức là thành viên thứ 7 của ASEAN. Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập WTO - Tổ chức Thương mại Thế giới (tên tiếng Anh là *World Trade Organization*) - của Việt Nam, được ký tại Geneva ngày 7/11/2006, có hiệu lực từ ngày 11/1/2007 và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành thành viên của WTO từ 11/1/2007.

(14) Văn bản *Tuyên ngôn Độc lập* trong sách Ngữ văn 12 do Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn (chương trình cơ bản, nâng cao) do NXB Giáo dục TP HCM ấn hành (2008) và trong *Hồ Chí Minh toàn tập* [3, tập 3, tr. 555] - cả 3 bộ sách này đều ghi bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp ra đời năm 1791; trong khi chú thích số 33 của các tác giả xây dựng bản thảo *Hồ Chí Minh toàn tập* [3, tập 3, tr. 630] và lịch sử Pháp ghi nhận là năm 1789. Năm ra đời chính xác của bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp là năm 1789. Tác giả bài báo đã sửa thành năm 1789 nhằm bảo đảm tính khoa học. (Xem thêm chú thích số 15).

(15) Tháng 7/1789, làn sóng cách mạng nổ ra mạnh mẽ, Quốc hội lập hiến của Pháp cân nhắc đảm bảo quyền công dân, quyền con người, tiến tới thảo luận ban hành văn bản pháp quy. Quốc hội thành lập một ủy ban soạn thảo dự luật Nhân quyền. Ngày 26/8/1789, *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp được công bố.

(16) A. M. Rumiantxép (1986), *Từ điển Chủ nghĩa Cộng sản khoa học* (bản tiếng Nga), NXB Tiến bộ, Matxcova. (bản dịch tiếng Việt của NXB Sự thật, Hà Nội).

(17) *Tuyên ngôn của đảng Cộng sản* là tác phẩm do K. Marx, F. Engels biên soạn (từ tháng 12/1847 đến tháng 1/1848) “đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Cộng sản khoa học. Nó đã trình bày một cách hoàn chỉnh và có hệ thống (Lênin) học thuyết về chủ nghĩa Xã hội khoa học của C. Mác. Nó là cương lĩnh chiến đấu của giai cấp vô sản toàn thế giới...” [3, tập 2, tr. 517-517].

(18) “*Việt Nam Độc lập Đồng minh*” (gọi tắt là *Việt Minh*) chủ trương liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng, các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại, chiến đấu đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, phát xít Nhật, giành độc lập cho nước Việt Nam [3, tập 3, tr. 583]. Việt Minh là một liên minh chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam và Nguyễn Ái Quốc thành lập ngày 19/5/1941.

(19) Tổng kết hơn 30 năm tiếp thu các học thuyết, trào lưu tư tưởng của mình; Hồ Chí Minh đúc kết: “*Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo*

đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách phù hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Họ chẳng phải có những điểm chung đó sao?... Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”. (Tạp chí Xây dựng Đảng, ngày 20/11/2013).

⁽²⁰⁾ Tôn Trung Sơn thuyết giải với người dân Trung Quốc: “Nếu chúng ta không lưu tâm đề xướng chủ nghĩa Dân tộc, kết hợp 400 triệu người thành một dân tộc kiên cố, Trung Quốc sẽ có nguy cơ mất nước, diệt chủng. Muốn cứu nguy, chúng ta phải đề xướng chủ nghĩa Dân tộc, dùng tinh thần dân tộc để cứu nước. Chủ nghĩa Dân tộc như một bảo bối giúp một quốc gia phát triển và một dân tộc sinh tồn”.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Ngữ văn 12* (tập 1), NXB Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. *Declaration of Independence* (1776) - The Unanimous Declaration of the thirteen United States of America, www.constitution.org/us_doi.pdf.
- [3]. Hồ Chí Minh (2000), *Hồ Chí Minh toàn tập* (12 tập), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. National Assembly of France (1789), *Declaration of the Rights of Man and of the Citizen*, www.hrcr.org/docs/frenchdec.html.
- [5]. Nhiều tác giả (1997), *Hồ Chí Minh, tác gia, tác phẩm, nghệ thuật ngôn từ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Ái Quốc (1975), *Bản án chế độ thực dân Pháp*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7]. Lê Thị Tinh (2015), “Ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân đối với Hồ Chí Minh”, *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 8 (93) - 2015, tr. 64-70.

CULTURAL QUINTESSENCE OF NATION AND MANKIND IN HO CHI MINH'S *DECLARATION OF INDEPENDENCE*

Summary

Ho Chi Minh's *Declaration of Independence* is an important political work in modern Vietnam literature that has been taught in high schools for many years. Such issues as human rights, national rights, argumental methods, political styles have been mentioned quite clearly; however, ideological and cultural values should be further addressed. In terms of culture and ideology, this declaration contains the cultural quintessence of nation and mankind. The nation's cultural quintessence in the Declaration is expressed in the fighting spirits for the country's independence, the people's freedom; humanism and international cooperation up to justice and civilization. The mankind's cultural quintessence is stemmed from the ideas inherent in *The American Declaration of Independence* (1776), *The French Declaration of the Human Rights and Citizenship* (1789), Socialism by Marx - Lenin and the Three Principles of the People by Ton Trung Son. This paper is aimed to address these issues.

Keywords: Declaration of Independence, Ho Chi Minh, nation's cultural quintessence, mankind's cultural quintessence.

Ngày nhận bài: 13/11/2008; Ngày nhận lại: 27/12/2018; Ngày duyệt đăng: 13/5/2019.